TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/HS-PT
Ngày: 09-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Giang.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân.

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Việt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 09 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2018/TLPT-HS ngày 24 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo Lê Minh H và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo H và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2018/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Lê Minh H, sinh năm 1984, tại huyện TH, tỉnh Đồng Tháp; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp CV, xã GD, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp ĐT, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 4/12; con ông Lê Văn B, sinh năm 1952 và Dương Thị T, sinh năm 1954; vợ tên Lê Thị G, sinh năm 1988; con có 02 người, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2012; tiền sự: Không có ;

Nhân thân: Năm 2000 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 10 năm tù về tội "Hiếp dâm trẻ em" theo Điều 112 Bộ luật Hình sự 1999 . Chấp hành án xong vào năm 2004. Đã xóa án tích;

Năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh xử phạt 07 (bảy) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Chấp hành án xong vào ngày 13/01/2011. Đã xóa án tích;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 11/7/2018 cho đến nay. (có mặt)

2. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1969, tại huyện HT, tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp 3, xã SN, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1933 (đã chết) và bà Lê Kim N, sinh năm 1934; vợ tên Lê Thị H, sinh năm 1973; con có 02 người, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2002; tiền sự, tiền án: Không có;

Nhân thân: Năm 2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Chấp hành án xong vào ngày 16/11/2011. Đã xóa án tích;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 04/7/2018 cho đến nay. (có mặt)

3. Bùi Trung T, sinh năm 1985, tại huyện TC, tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Khu phố 4, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Bùi Quang T1, sinh năm 1961 và Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1961; vợ tên Nguyễn Thị T2, sinh năm 1982; con có 01 người sinh năm 2014; tiền sự, tiền án: Không có;

Nhân thân: Năm 2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 09 (chín) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Chấp hành án xong vào ngày 30/8/2013. Đã xóa án tích;

Bị bắt tạm giam: 12/7/2018. Trả tự do:17/7/2018. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Nhà số 92, Khu phố 4, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 02/2017, Nguyễn Văn Q thỏa thuận cùng Lê Minh H hùn vốn với nhau sang Campuchia mua gỗ không có nguồn gốc đem về Việt Nam bán kiếm lời. Đến khoảng 14 giờ ngày 07/3/2017, H sang Campuchia gặp một người tên R không rõ địa chỉ mua 126 khúc gỗ loại căm xe và 35 khúc gỗ loại mật chuông, tổng thể tích 12,27 m^3 với số tiền 39.980.000 đồng và điện thoại kêu Q thuê Bùi Trung T vận chuyển về Việt Nam. Q thuê T với số tiền 4.000.000 đồng để vận chuyển số gỗ trên thì T đồng ý. Đến 22 giờ cùng ngày, T điều khiển xe ô tô tải biển số 70C-080.01 chở Q đến khu vực đám cao su thuộc ấp Đông Lợi, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giáp biên giới giữa hai nước Campuchia và Việt Nam gặp H. Tại đây, H điện thoại cho R vận chuyển số gỗ trên từ Campuchia đến và thuê công nhân chất số gỗ trên lên xe tải của T. Đến 03 giờ

ngày 08/3/2017, T điều khiển xe ô tô tải biển số 70C-080.01 chở Q cùng số gỗ trên đến huyện BL, tỉnh Long An để bán, khi đến khu vực ấp SCA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh thì bị Công an huyện GD, tỉnh Tây Ninh bắt quả tang. Qua điều tra, H, Q, T cùng khai nhận trước đó Q và H đã 3 lần sang Campuchia mua gỗ không rõ nguồn gốc, sau đó thuê T vận chuyển về Việt Nam bán kiếm lời.

Kết quả giám định số: 49/GT.2017 ngày 29/4/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh xác định xe ô tô tải biển số: 70C-080.01 số khung, số máy không bị đục sửa.

Kết luận định giá tài sản số: 116/KL-HĐ ngày 26/12/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện GD, tỉnh Tây Ninh xác định 126 khúc gỗ loại căm xe và 35 khúc gỗ loại mật chuông, tổng thể tích 12,27 m^3 có tổng giá trị là 130.100.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2018/HS-ST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện GD tỉnh Tây Ninh, đã xử:

Tuyên bố các bị cáo Lê Minh H, Nguyễn Văn Q, Bùi Trung T phạm tội "Buôn lậu".

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 153 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lê Minh H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 7 năm 2018. Phạt bổ sung bị cáo Lê Minh H số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 7 năm 2018. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn Q số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Bùi Trung T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

* Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ vào Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Tiền Việt Nam 116.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung GTE1200Y, số seri 359831068604953 đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động hiệu MicroSoffs, số seri 35183070294282 đã qua sử dụng.

Tuyên trả lại cho bị cáo T và bà Nguyễn Thị T2: 01 xe ô tô tải biển số: 70C-080.01; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải biển số: 70C-080.01. Nhưng giao Chi cục thi hành án dân sự huyện GD tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/7/2018, bị cáo Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 26/7/2018 bị cáo Lê Minh H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại Kháng nghị số 01/QĐ-VKS ngày 14/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, nội dung:

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy phần xử lý vật chứng của bản án sơ thẩm để điều tra lại về chủ sở hữu.

Tại phiên tòa bị cáo H giữ nguyên nội dung kháng cáo, cho rằng: Bị cáo và bị cáo Q cùng nhau hùn tiền mua gỗ, mức độ ngang nhau nhưng xét xử bị cáo Q 06 tháng tù, xét xử bị cáo 09 tháng tù là chưa công bằng, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thay đổi nội dung kháng nghị, đề nghị căn cứ Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe ô tô biển số 70C-080.01 sung quỹ Nhà nước vì đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H; Giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo H không tranh luận.

Bà Nguyễn Thị T2 - tranh luận: Bản án sơ thẩm tuyên trả xe cho bị cáo Bùi Trung T và bà, đến ngày thứ 32 bà và bị cáo T đã nhận lại xe ô tô và thi hành xong các khoản tiền mà bản án sơ thẩm đã xử. Không đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh, không đồng ý giao nộp lại xe cho cơ quan Thi hành án huyện GD vì đây là tài sản của bà, tiền của bà đã đưa cho chồng là T đi mua xe, do T là tài xế nên để T đứng tên giấy tờ.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: Xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Lê Minh H và Nguyễn Văn Q hùn tiền sang Campuchia mua gỗ không có giấy tờ, thuê bị cáo Bùi Trung T vận chuyển về Việt Nam đem bán tại Long An để thu lợi. Ngày 08/3/2017 Công an huyện GD, tỉnh Tây Ninh bắt quả tang Bùi Trung T điều khiển xe ô tô biển số 70C-080.01 chở 126 khúc gỗ loại căm xe và 35 khúc gỗ loại mật chuông, tổng cộng là 12,27m^3. Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện GD xác định giá trị gỗ là 130.100.000 đồng. Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo H, Q, T về tội "Buôn lậu" theo khoản 1 Điều 153 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đế trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước tại các cửa khẩu, ảnh hưởng đến trật tự an ninh khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia, cần xử lý nghiêm các bị cáo để bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo H, thấy rằng: Bị cáo là người trực tiếp sang Campuchia mua gỗ, thỏa thuận thời gian, địa điểm tập kết gỗ, thông báo cho Q thuê xe, cùng nhau thuê người bốc vác gỗ lên xe ô tô của T và vận chuyển bằng đường tiểu ngạch vào Việt Nam, không có giấy tờ thông hành, sau khi bị bắt bị cáo H làm bộ hồ sơ giả để đối phó với cơ quan pháp luật nhằm hợp thức hóa số gỗ trên ... mức án đã xử là phù hợp, không nặng.

- Đối với bị cáo Q: Ngày 03/9/2018 bị cáo Q có đơn rút toàn bộ kháng cáo. Tại Thông báo số 03/TB-TA ngày 12/9/2018 của Tòa án tỉnh Tây Ninh nội dung: Thông báo về việc bị cáo Q tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo.

Bị cáo Là người hùn vốn với bị cáo H, trực tiếp thuê xe của bị cáo T, áp tải theo xe để giao gỗ cho đối tượng mua, mức án đã xử là phù hợp, không nhẹ. Việc bị cáo H kháng cáo so sánh mức án đối với bị cáo Q là không có cơ sở.

- Đối với bị cáo T: Cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính là không phù hợp, bởi lẽ: Về ý thức chủ quan bị cáo biết rõ vận chuyển gỗ lậu, không có giấy tờ hợp pháp nên vận chuyển vào ban đêm, ngoài ra bị cáo đã vận chuyển trót lọt 3 lần, sau ngày bị bắt quả tang trong vụ án này bị cáo yêu cầu bị cáo Q ký "Hợp đồng thuê vận tải" có nội dung: "không được mang theo hàng lậu, hàng cấm" thể hiện ý thức đối phó pháp luật, về nhân thân vào năm 2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 09 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tuy nhiên, về hình phạt của bị cáo T do không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Đối với thay đổi nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Từ đề nghị hủy phần xử lý vật chứng thay đổi sang sửa bản án sơ thẩm theo hướng tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe ô tô.

Xét thấy, quá trình điều tra, truy tố, xét xử thể hiện: Lý lịch bị can Bùi Trung T có vợ là bà Nguyễn Thị T, ngày 02/11/2016 Bùi Trung T đứng tên mua xe ô tô 70C-080.01 thông qua Hợp đồng mua bán xe ô tô có công chứng tại Phòng Công chứng số 03 tỉnh Tây Ninh, chiếc xe này là tài sản hình thành trong thời kỳ bị cáo T chung sống với bà T là đồng sở hữu vợ chồng. Theo bà Thực trình bày tiền mua xe do bà vay ngân hàng đưa tiền cho T đi mua xe và đứng tên giấy tờ, ngoài lời trình bày ra bà T2 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh xe trên là tài sản riêng của bà. Xét việc bị cáo T sử dụng xe ô tô chở gỗ nhập lậu bà T không biết, đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội căn cứ Điều 89, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước ½ giá trị chiếc xe thuộc sỡ hữu của bị cáo T. Cấp sơ thẩm cho rằng đây là phương tiện duy nhất để vợ chồng bị cáo T có thu nhập nuôi sống gia đình cần trả lại xe cho bị cáo và bà T là không đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/8/2018 bị cáo T thi hành khoản tiền phạt 20.000.000 đồng, án phí 200.000 đồng xong theo biên lai thu số 0003883 và số 0008972, bị cáo T và bà T2 đã nhận chiếc xe ô tô biển số 70C-080.01 + Giấy chứng nhận đăng ký xe. Nay bà T2 xác định sau khi nhận xe bà đã bán xe cho người khác và không đồng ý giao nộp xe.

Tại Kết luận định giá số 37/KL-HĐ ngày 17/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện GD, tỉnh Tây N inh, kết luận: Xe ô tô tải hiệu Hyundai màu trắng, biển số 70C-080.01, số khung 19JPTC103950, số máy D6BJT161746, số loại NM-HD5T, tải trọng 4.500kg, đã qua sử dụng, có giá trị 80.000.000 đồng. Chiếc xe trên là phương tiện bị cáo T dùng vào việc phạm tội mà bà T không biết, do đó cần tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe thuộc sở hữu của bị cáo T là 40.000.000 đồng. Bị cáo T có nghĩa vụ nộp số tiền sung ngân sách Nhà nước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo H phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Minh H.

Chấp nhận thay đổi Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Sửa bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng.

Tuyên bố bị cáo Lê Minh H phạm tội "Buôn lậu"

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 153 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Minh H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/7/2018.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Minh H 7.000.000 đồng (bảy triệu) sung vào ngân sách Nhà nước.

2/. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Bùi Trung T nộp số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu) tương ứng 1/2 giá trị chiếc xe ô tô biển số 70C-080.01 sung vào ngân sách Nhà nước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Án phí: Bị cáo Lê Minh H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT1. TANDTC. tại Hà Nội;
- VKSND. TTN;
- TAND huyện GD;
- Công an huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- VKSND huyện GD;
- Phòng PV27. CATN;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp TTN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạ m Thị Thanh Giang